

Ngày thi: 14/10/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	10			15			55	100			
1	152614358	Võ Thị Thảo	Nguyên	K15NAD1	10	10	7.5			9.5			10	9.7	Chín phẩy Bảy		
2	152614363	Lê Thị Thuý	Dung	K15NAD1	10	9	8			9.5			10	9.6	Chín phẩy Sáu		
3	152624400	Đinh Thị Duy	Anh	K15NAD1	10	6	5			9.5			9	8.5	Tám phẩy Năm		
4	152624407	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K15NAD1	10	10	8			9.5			10	9.7	Chín phẩy Bảy		
5	152624409	Văn Thanh	Mai	K15NAD1	10	10	7			8.5			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
6	152624412	Nguyễn Nguyên Hồng	Phúc	K15NAD1	8	6	7			8.5			10	8.9	Tám phẩy Chín		
7	152624413	Phạm Mai	Anh	K15NAD1	10	9	8			0			8.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
8	152624414	Phạm Phương	Anh	K15NAD1	8	6	5			7.8			8	7.5	Bảy phẩy Năm		
9	152624416	Nguyễn Minh	Hoà	K15NAD1	10	9	5			9.5			9	8.8	Tám phẩy Tám		
10	152624419	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	K15NAD1	0	8	4			5.3			5.5	5.0	Năm		
11	152624420	Lê Thị Thu	Hiếu	K15NAD1	10	8	7			9.5			9	8.9	Tám phẩy Chín		
12	152624421	Trần Thị Duyên	Khánh	K15NAD1	10	8	8			9.5			7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
13	152624424	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K15NAD1	10	8	8			9.5			4	6.2	Sáu phẩy Hai		
14	152624426	Phạm Thị Trâm	Anh	K15NAD1	10	10	8			8.5			10	9.6	Chín phẩy Sáu		
15	152624427	Lưu Minh	Hiếu	K15NAD1	0	0	3.5			0			5	3.1	Ba phẩy Một		
16	152624429	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K15NAD1	10	6	7			9			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
17	152624430	Trần Thị Thảo	Phương	K15NAD1	10	8	7			8.5			8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
18	152624431	Mai Thị	Kiên	K15NAD1	10	10	8			9.5			9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
19	152624436	Võ Thị Lệ	Phương	K15NAD1	10	8	8			9.5			9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
20	152624437	Hoàng Thị	Huyền	K15NAD1	10	10	9.5			9.5			10	9.9	Chín phẩy Chín		
21	152624441	Nguyễn Thị	Giang	K15NAD1	10	10	7			9.5			10	9.6	Chín phẩy Sáu		
22	152624448	Hoàng Lê Thảo	Huyền	K15NAD1	10	10	5			9.5			10	9.4	Chín phẩy Bốn		
23	152625627	Nguyễn Thục	Linh	K15NAD1	10	6	7			8.3			8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
24	152625864	Huỳnh Thanh	Nghĩa	K15NAD1	8	10	6.5			7.5			4	5.8	Năm phẩy Tám		
25	152626008	Đỗ Thị Lan	Phương	K15NAD1	10	10	5			9.5			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
26	152626009	Đoàn Ngọc	Đức	K15NAD1	10	6	7			8.5			10	9.1	Chín phẩy Một		
27	152626011	Trần Thị Ánh	Minh	K15NAD1	10	10	8			9.5			8	8.6	Tám phẩy Sáu		
28	142522982	Trương Minh	Trùng	K14TPM CMU	0	0	0			7.8			3	0.0	Không		
29	132331357	Văn Thị Việt	Trinh	K13QTH	10	8	3			8			5	6.1	Sáu phẩy Một		
30	151442349	Vương Quỳnh	Thi	K15NAD2	8	6	7.5			8.8			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
31	152622086	Tchang Ngọc	Uyên	K15NAD2	10	6	7			9			4	5.9	Năm phẩy Chín		
32	152624399	Lê Thị Anh	Thư	K15NAD2	10	10	8			9.5			10	9.7	Chín phẩy Bảy		
33	152624402	Phan Thị Xuân	Vân	K15NAD2	8	10	5.8			8			7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
34	152624403	Thân Thị Bích	Trâm	K15NAD2	10	6	7.5			8.5			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
35	152624404	Trương Thị Mỹ	Phượng	K15NAD2	8	10	7			9			10	9.4	Chín phẩy Bốn		
36	152624410	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K15NAD2	10	8	5.8			9.5			10	9.3	Chín phẩy Ba		
37	152624415	Trần Luân	Vỹ	K15NAD2	0	0	3.5			6			2.3	0.0	Không		
38	152624417	Đoàn Thị Đài	Trang	K15NAD2	10	10	8.5			9.5			8.5	9.0	Chín		
39	152624418	Phạm Thị Thanh	Thảo	K15NAD2	10	6	7.5			8			2.3	0.0	Không		
40	152624423	Mai Anh	Thi	K15NAD2	0	0	3.5			6.5			7.8	5.6	Năm phẩy Sáu		
41	152624425	Phạm Phú	Trung	K15NAD2	6	6	6			8.8			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
42	152624428	Nguyễn Thị Lê	Vân	K15NAD2	10	9	5.8			7.3			4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
43	152624432	Trần Thị Hồng	Thi	K15NAD2	10	6	6.5			8.8			4	5.8	Năm phẩy Tám		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP TẬP KHOÁ K15NAD													
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				MÔN HỌC:	LÝ THUYẾT XÁC SUẤT& THỐNG KÊ										HỌC KỲ	7	
				MÃ MÔN:	STA 151										TÍN CHỈ	3	
Ngày thi:				14/10/2012										LẦN THI	1		
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	10			15			55	100			
44	152624433	Hoàng Thị Mỹ	Vân	K15NAD2	10	8	8.5			8			7.5	8.0	Tám		
45	152624434	Lê Nguyễn Trung	Thành	K15NAD2	0	0	5			4.8			5.8	4.4	Bốn phẩy Bốn		
46	152624435	Nguyễn Hoàng Phương	Thanh	K15NAD2	10	6	7.5			9			4	5.9	Năm phẩy Chín		
47	152624438	Lý Thu	Thảo	K15NAD2	10	8	10			9			8	8.6	Tám phẩy Sáu		
48	152624439	Đỗ Thị	Yến	K15NAD2	8	6	6			8			7.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
49	152624440	Đoàn Thị	Tuyết	K15NAD2	10	10	4.5			9.5			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín		
50	152624442	Hoàng Thảo	Trang	K15NAD2	10	6	8.3			7			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
51	152624443	Tuyền Thị Sinh	Sơn	K15NAD2	10	6	6.5			9.5			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
52	152624445	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K15NAD2	10	9	6.3			8			4	5.9	Năm phẩy Chín		
53	152624446	Phan Bảo	Uyên	K15NAD2	10	8	8			9			1.3	0.0	Không		
54	152624447	Phạm Hoàng Tiểu	Hạ	K15NAD2	10	10	7.5			9.5			8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
55	152624449	Bùi Thị Phương	Thảo	K15NAD2	10	6	7.3			8.3			4	5.8	Năm phẩy Tám		
56	152624451	Trần Thị Minh	Thư	K15NAD2	10	9	10			8.5			8.8	9.0	Chín		
57	152624453	Phạm Thị	Hiền	K15NAD2	10	10	7.5			9.5			6	7.5	Bảy phẩy Năm		
58	172417675	Đoàn Thị Minh	Phương	K17DLK	6	6.5	4			4			1.3	0.0	Không		
59	172417683	Nguyễn Thị	Thảo	K17DLK	10	8.5	6			5			2.5	0.0	Không		
60	172418912	Nguyễn Quỳnh	Lan	K17DLK	6	8.5	0			8.5			1.5	0.0	Không		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	52	87%	
2	Số sinh viên nợ	8	13%	
TỔNG CỘNG :		60	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 10 năm 2012
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn T K Phương

ThS. Nguyễn Hữu Phú